

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (%)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	301	485,911	161,4%	85,3%
1	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tư vấn chuyên ngành điện lực, hoạt động bán lẻ điện hoạt động bán lẻ điện ...; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	200	384,461	192,2%	119,1%
2	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp	30	10,350	34,5%	7,7%
3	Phí thẩm định cấp mới, cấp lại giấy phép sử dụng VLNCN	15	14,7	98,0%	105,0%
4	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện SXKD hóa chất	5	2,4	48,0%	200,0%
5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	43	50,4	117,2%	75,0%
6	Phí thẩm định cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3	0	0,0%	0,0%
7	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện VSATTP, phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP	5	23,6	472,0%	109,5%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	0		
1	Chi sự nghiệp	-			
2	Chi quản lý hành chính	-	0		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (%)
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	301	485,911	161,4%	534,9%
1	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tư vấn chuyên ngành điện lực, hoạt động bán lẻ điện hoạt động bán lẻ điện ...; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	200	384,461	192,2%	1191%
2	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp	30	10,35	34,5%	44%
3	Phí thẩm định cấp mới, cấp lại giấy phép sử dụng VLNCN	15	14,7	98%	1050%
4	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện SXKD hóa chất	5	2,4	48%	2000%
5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	43	50,4	117,2%	150%
6	Phí thẩm định cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3	0	0%	0%
7	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện VSATTP, phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP	5	23,6	472%	365%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.790,0	15.324,96	97,1%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	15.790,0	15.324,96	97,1%	
1	Chi quản lý hành chính	10.477,0	10.464,7	99,9%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.239,0	8.239,000	100,0%	120,2%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.238,0	2.225,673	22,5%	73,9%
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	6	6	100,0%	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6	6	100,0%	
3	Chi sự nghiệp kinh tế	4.020,0	3.587,847	89,2%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.020,0	3.587,847	89,2%	
4	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ tỉnh giao	1.287,0	1.266,4	98%	234%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.287,0	1266,44	98%	234%
II	Nguồn viện trợ	-			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-			